

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày : 26-01-2024
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Y Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Minh Chánh.

- Ông Lê Cao Trí.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:** Không tham gia.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 564/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông LVT, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 7, ấp LA, xã OLV, huyện CP, tỉnh AG. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Bà LTKY, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 7, ấp LA, xã OLV, huyện CP, tỉnh AG (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2023; bản tự khai ngày 25/9/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn Ông LVT trình bày như sau:

Ông T và bà Y tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, đến năm 2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô Long Vĩ. Thời gian

đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay, hiện tình cảm không còn nên xin ly hôn với Lê Thị Kim Y.

Về con chung: Trong thời gian sống chung có 01 con chung tên Lê Quốc Đăng, sinh ngày 08/9/2020, hiện đang sống với ông, ông yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Y: Tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt, bà Y thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, về con chung, về thời gian ly thân. Bà Y đồng ý ly hôn với ông T, đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi, về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tại văn bản trình bày ý kiến đều thống nhất đồng ý ly hôn, bà Y thống nhất giao con chung Lê Quốc Đăng, sinh ngày 08/9/2020 cho ông T trực tiếp nuôi, ông T không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Nguyên đơn ông T, bị đơn bà Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông T:

Ông T và bà Y chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn vào năm 2020, ly thân khoảng một năm kể từ thời gian nộp đơn ly hôn. Do bất đồng quan điểm, ông T xin ly hôn với bà Y, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn bà Y tuy vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án nhưng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông T, thời gian ly thân đã lâu, thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà Y trình bày ý kiến thống nhất có 01 con chung Lê Quốc Đăng, sinh ngày 08/9/2020, bị đơn bà Y đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc trực tiếp nuôi con chung. Ông T là người trực tiếp nuôi con chung nhưng không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T và bà Y cùng trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông LVT phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ông LVT, Ông LVT được ly hôn với Bà LTKY.

2. Về con chung: Ông LVT và Bà LTKY thống nhất có 01 (Một) con chung tên Lê Quốc Đăng, sinh ngày 08/9/2020.

Bà LTKY thống nhất giao con chung tên Lê Quốc Đăng, sinh ngày 08/9/2020 cho Ông LVT trực tiếp nuôi.

Ông LVT không yêu cầu Bà LTKY cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông LVT cùng thành viên gia đình không được cản trở Bà LTKY thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông LVT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0015376 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THA DS Châu Phú;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Y Anh

